

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *08* /2019/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày *08* tháng *3* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Đơn giá sản phẩm
quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT ngày 08/08/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 69/TTr-STNMT ngày 13/02/2019; Công văn số 56/STC-GCS ngày 09/01/2019 của Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đơn giá sản phẩm quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (có Đơn giá chi tiết kèm theo).

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Đơn giá hoạt động quan trắc môi trường không khí ngoài trời, tiếng ồn và độ rung;

2. Đơn giá hoạt động quan trắc môi trường nước mặt lục địa;

3. Đơn giá hoạt động quan trắc môi trường đất;

4. Đơn giá hoạt động quan trắc môi trường nước dưới đất;

5. Đơn giá hoạt động quan trắc chất lượng nước mưa;

6. Đơn giá hoạt động quan trắc chất lượng nước biển;

7. Đơn giá hoạt động quan trắc phóng xạ;

8. Đơn giá hoạt động quan trắc khí thải;

9. Đơn giá hoạt động quan trắc nước thải;

10. Đơn giá hoạt động quan trắc chất lượng trầm tích;

11. Đơn giá hoạt động quan trắc chất thải;

12. Đơn giá hoạt động quan trắc môi trường của trạm quan trắc môi trường không khí tự động liên tục;

13. Đơn giá hoạt động quan trắc môi trường của trạm quan trắc môi trường nước mặt tự động liên tục;

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện các dự án, nhiệm vụ quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng đơn giá

1. Phần đơn giá trừ khấu hao của thiết bị; đơn giá vật tư thiết bị bao gồm thuế VAT đầu vào: áp dụng cho trường hợp đơn vị sự nghiệp được giao kế hoạch và dự toán ngân sách tự tổ chức thực hiện dự án, nhiệm vụ. Ngoài ra đối với đơn vị sự nghiệp được giao biên chế và được ngân sách nhà nước cấp kinh phí hoạt

động thường xuyên và đầu tư thiết bị, khi quyết toán còn phải trừ chi phí khấu hao thiết bị và toàn bộ kinh phí đã bố trí cho số biên chế của đơn vị trong thời gian thực hiện dự án, nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

2. Phần đơn giá có khấu hao thiết bị; đơn giá vật tư, thiết bị không bao gồm thuế VAT đầu vào: áp dụng cho trường hợp ký kết hợp đồng đặt hàng với các doanh nghiệp hoặc đơn vị sự nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phân loại là đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác, hoặc đơn vị sự nghiệp không tự tổ chức thực hiện phải ký kết hợp đồng với các đơn vị ngoài thực hiện.

3. Đơn giá này làm cơ sở cho việc lập, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi hoạt động quan trắc môi trường có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Đơn giá sản phẩm hoạt động quan trắc môi trường chưa bao gồm cho chuẩn bị sàn thao tác, lỗ lấy mẫu và việc đi lại, vận chuyển từ đơn vị quan trắc đến địa bàn quan trắc và trở về sau khi kết thúc công việc (nếu có) sẽ tính riêng trong từng thiết kế kỹ thuật-dự toán cho từng công việc cụ thể. Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

4. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án, nhiệm vụ quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước áp dụng đơn giá này.

5. Các tổ chức, cá nhân được phép thỏa thuận đơn giá trong hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh nhưng không được cao hơn định mức đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/3/2019 và thay thế Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 02/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành đơn giá quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện đơn giá sản phẩm quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cho phù hợp.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính để điều chỉnh đơn giá cho phù hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khi Nhà nước có sự thay đổi về chính sách tiền lương (tiền lương cơ sở, tiền lương tối thiểu vùng); định mức.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân

dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT. Tỉnh ủy NB;
- TT. HĐND tỉnh NB;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh NB;
- Chủ tịch, Phó CT UBND tỉnh NB;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh NB;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, VP3,5;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Thạch